

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

- Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1994; CCCD số: 048094000729 ngày cấp: 28/4/2023. Địa chỉ: phường N, Tp Đà Nẵng.
- Bà **Mai Thị Kiều T**, sinh năm 1994; CCCD số: 048194000741, ngày cấp: 24/4/2021. Địa chỉ: phường N, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 13 tháng 3 năm 2026, người yêu cầu là ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T tự nguyện kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận N (nay là phường N), TP.Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2017, do UBND phường H, quận N, TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/3/2017). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Mặc dù đã tìm biện pháp hàn gắn nhưng không mang lại kết quả gì. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T có 02 con chung tên là Nguyễn Mai Ngân Q, sinh ngày: 06/3/2018 và Nguyễn Vinh K1, sinh ngày: 18/6/2021. Ông bà thỏa thuận khi ly hôn giao cả 02 con Nguyễn Mai Ngân Q và Nguyễn Vinh K1 cho bà Mai Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/ tháng/ 02 con (3.500.000 đồng/ tháng/ con), thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/04/2026 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về tài nợ chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0002074 ngày 09/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2017, do UBND phường H, quận N (nay là phường N), TP . cấp ngày 23/3/2017 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Mai Ngân Q, sinh ngày: 06/3/2018 và Nguyễn Vinh K1, sinh ngày: 18/6/2021. Ly hôn, ông bà thống nhất giao cả 02 con Nguyễn Mai Ngân Q và Nguyễn Vinh K1 cho bà Mai Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/ tháng/ 02 con (3.500.000 đồng/ tháng/ con), thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/04/2026 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T đều xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Nguyễn Văn K và bà Mai Thị Kiều T mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0002074 ngày 09/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường N, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thế Tài

